

KẾ HOẠCH

Phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2021 tỉnh Phú Yên

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2021-2025.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 330/TTr-SNN ngày 30/11/2020); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2021 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung

Chủ động giám sát, phát hiện sớm, ngăn chặn sẵn sàng ứng phó kịp thời, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP); bảo đảm áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh nhằm giảm thiểu tổn thất về kinh tế, hạn chế tác động xấu của giá thịt lợn đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI), môi trường và các hoạt động thương mại động vật, sản phẩm động vật của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giảm thiểu thấp nhất nguy cơ xâm nhiễm bệnh DTLCP vào tỉnh Phú Yên, kiểm soát các hoạt động vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc.

- Chủ động giám sát chặt chẽ, kịp thời phát hiện sớm các trường hợp lợn mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi để xử lý triệt để, không để lây lan ra diện rộng. Giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế-xã hội, môi trường do bệnh này gây ra.

II. NỘI DUNG

1. Chăn nuôi lợn an toàn sinh học

- Kê khai, cập nhật, khai báo hoạt động chăn nuôi với chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Chăn nuôi; Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt: cách ly, vệ sinh, sát trùng bằng hóa chất, bằng vôi; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, dụng cụ chăn nuôi bảo đảm áp dụng có hiệu quả các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học.

- Sử dụng thức ăn dùng cho chăn nuôi có nguồn gốc rõ ràng, đạt tiêu chuẩn theo quy định; hạn chế tối đa việc sử dụng thức ăn thừa, tái chế từ các quán ăn, nhà hàng, khách sạn, khu công nghiệp. Trường hợp sử dụng thức ăn thừa phải xử lý nhiệt để diệt được mầm bệnh trong thức ăn; đồng thời vệ sinh, sát trùng phương tiện, dụng cụ chứa đựng thức ăn kể cả người vận chuyển trước và sau khi đưa vào khu vực chăn nuôi.

2. Tổ chức nuôi tái đàn lợn

- Chỉ nuôi tái đàn lợn tại cơ sở chăn nuôi lợn chưa bị bệnh DTLCP hoặc tại

cơ sở có bệnh nhưng đã qua 21 ngày và không tái phát bệnh DTLCP; bảo đảm các biện pháp an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

- Định kỳ lấy mẫu môi trường, nước, chất thải,... xét nghiệm khẳng định không có vi rút DTLCP đối với các cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn.

- Chính quyền cơ sở và các cơ quan thú y địa phương tổ chức kiểm tra, xác nhận điều kiện nuôi tái đàn; tăng cường việc hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi và công tác phòng, chống dịch bệnh.

3. Giám sát dịch bệnh

a) Giám sát chủ động

- Chủ cơ sở nuôi lợn, thú y cơ sở chủ động theo dõi, giám sát đàn lợn. Trường hợp phát hiện lợn bệnh, nghi mắc bệnh DTLCP, lợn chết không rõ nguyên nhân hoặc lợn, sản phẩm lợn nhập lậu, nghi nhập lậu, không rõ nguồn gốc thì báo cơ quan thú y địa phương; cơ quan thú y thực hiện việc lấy mẫu để xét nghiệm bệnh DTLCP trước khi xử lý tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ động lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút DTLCP tại cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi, chợ buôn bán, cơ sở kinh doanh, thu gom, điểm trung chuyển, tắm rửa lợn, cơ sở giết mổ lợn, cơ sở chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ lợn, trên lợn, sản phẩm lợn nhập lậu bị bắt giữ, môi trường chăn nuôi tại các địa bàn có nguy cơ cao trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện theo chương trình giám sát do Cục Thú y tổ chức.

b) Giám sát bị động

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức lấy mẫu để xét nghiệm vi rút DTLCP và chẩn đoán phân biệt đối với: đàn lợn nuôi có biểu hiện nghi ngờ bệnh DTLCP; đàn lợn nghi có tiếp xúc với đàn lợn mắc bệnh DTLCP; lợn rừng, lợn cảnh, lợn hoang dã, lợn tại vườn thú, vườn quốc gia bị ốm, chết không rõ nguyên nhân; mẫu môi trường; điều tra xác định nguyên nhân nếu nghi đàn lợn bị bệnh DTLCP.

- Điều tra ổ dịch, truy tìm nguồn bệnh: UBND các cấp, phối hợp cùng cơ quan chuyên môn thú y tiến hành điều tra ổ dịch (hộ, cơ sở chăn nuôi bị nhiễm DTLCP). Việc điều tra ổ dịch được triển khai tối thiểu 21 ngày trở về trước (trước khi xuất hiện dấu hiệu lâm sàng tại ca bệnh đầu tiên) và sẽ tiếp tục kéo dài đến thời điểm áp dụng các biện pháp kiểm soát ổ dịch.

4. Tiêu hủy lợn mắc bệnh, nghi mắc bệnh DTLCP

- Không điều trị lợn bệnh, tổ chức tiêu hủy toàn bộ lợn mắc bệnh, lợn chết, lợn có kết quả xét nghiệm dương tính với mầm bệnh DTLCP.

- Biện pháp tiêu hủy: Theo hướng dẫn 4178/HD-BNN-TY ngày 14/6/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Đối với lợn khỏe mạnh tại cơ sở có lợn mắc bệnh DTLCP hoặc tại các cơ sở chưa có lợn mắc bệnh nhưng nằm trong vùng dịch khi có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP có thể được vận chuyển, giết mổ theo hướng dẫn tại điểm b khoản 5 và điểm d khoản 6 Kế hoạch này.

5. Kiểm soát vận chuyển, buôn bán lợn, sản phẩm từ lợn

a) Trong trường hợp không có bệnh DTLCP

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lợn và sản phẩm lợn tại nơi

xuất phát: thực hiện nghiêm các quy trình kiểm dịch vận chuyển, các quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; vệ sinh và phun thuốc sát trùng phương tiện, dụng cụ vận chuyển; vệ sinh, sát trùng người tham gia vận chuyển; tổ chức lấy mẫu đối với các trường hợp lợn nghi mắc bệnh, sản phẩm lợn nghi mang mầm bệnh để kịp thời phát hiện, xử lý triệt để bảo đảm không làm lây lan dịch bệnh.

- Thành lập chốt kiểm dịch động vật tạm thời nếu các tỉnh giáp với Phú Yên đang có dịch; bố trí đầy đủ lực lượng liên ngành: Thú y, quản lý thị trường, công an, để tổ chức kiểm soát chặt chẽ đối với lợn và sản phẩm từ lợn vận chuyển qua địa bàn tỉnh nhất là các tỉnh, thành phố có đường giao thông vận chuyển Bắc-Nam.

- Tổ chức phun thuốc sát trùng, tiêu độc các phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, vật dụng chứa đựng đi qua trạm kiểm dịch động vật và các chốt kiểm dịch động vật tạm thời.

- Tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển lợn và sản phẩm lợn tại nơi đến: thực hiện nghiêm các quy trình kiểm dịch vận chuyển, các quy định, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT; vệ sinh và phun thuốc sát trùng các phương tiện vận chuyển và người tham gia vận chuyển.

- Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật đối với tất cả các lô hàng lợn, sản phẩm từ lợn nhập lậu, không rõ nguồn gốc bị bắt giữ.

b) Trong trường hợp có bệnh DTLCP

- Đối với lợn khỏe mạnh trong cùng ô chuồng, dãy chuồng có mắc bệnh, lấy mẫu và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP thì được vận chuyển để tiêu thụ tại địa bàn cấp huyện.

- Đối với lợn khỏe mạnh tại ô chuồng, dãy chuồng chưa có lợn mắc bệnh, lấy mẫu và có kết quả xét nghiệm âm tính với mầm bệnh DTLCP được vận chuyển để nuôi hoặc tiêu thụ thuộc địa bàn cấp tỉnh.

- Cơ sở chăn nuôi đã được công nhận an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học hoặc đã tham gia chương trình giám sát, lấy mẫu có kết quả xét nghiệm âm tính các bệnh (bao gồm cả bệnh DTLCP), lợn không có triệu chứng của bệnh DTLCP trong vòng 21 ngày trước thời điểm vận chuyển, được phép vận chuyển ra khỏi vùng có dịch theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y. Trường hợp vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh phải đáp ứng được yêu cầu vận chuyển trong tỉnh và phải được thực hiện kiểm dịch theo quy định pháp luật thú y.

- Việc vận chuyển lợn, sản phẩm lợn được thực hiện theo quy định pháp luật về thú y trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

6. Quản lý giết mổ lợn và việc tiêu thụ các sản phẩm thịt lợn

a) Yêu cầu đối với cơ sở giết mổ lợn

- Cơ sở giết mổ tập trung bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thú y và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung (QCVN 01- 150: 2017/BNNTPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Cơ sở giết mổ nhỏ lẻ bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Thú y.

- Có nhân viên thú y thực hiện việc kiểm soát giết mổ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.

b) Yêu cầu đối với lợn được đưa vào giết mổ

- Có kết quả xét nghiệm âm tính với bệnh DTLCP từ cơ sở chăn nuôi lợn ở trong vùng dịch thuộc phạm vi trong và ngoài địa bàn cấp tỉnh theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Trường hợp lợn được vận chuyển từ tỉnh khác phải có giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nơi xuất phát theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Quản lý tiêu thụ thịt lợn và sản phẩm từ lợn của các cơ sở giết mổ

Thịt lợn và sản phẩm từ lợn được buôn bán và tiêu thụ trên phạm vi toàn quốc trong trường hợp đáp ứng yêu cầu sau:

- Được giết mổ, sơ chế tại các cơ sở giết mổ được thẩm định, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm a khoản này.

- Thịt lợn và sản phẩm từ lợn sau khi giết mổ phải vận chuyển bằng phương tiện vận chuyển lạnh chuyên dụng đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Luật Thú y và QCVN 01-100:2012/BNNPTNT (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03/7/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) khi đi tiêu thụ.

- Đảm bảo theo các quy định của pháp luật về thú y và an toàn thực phẩm.

d) Trong trường hợp có bệnh DTLCP

Lợn được vận chuyển để giết mổ phải đáp ứng quy định tại điểm b khoản 5.

7. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng

a) Khi chưa có dịch xảy ra

- Đối với các trang trại chăn nuôi quy mô vừa, lớn: Hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, định kỳ tiêu độc, khử trùng chuồng trại nhằm tiêu diệt các loại mầm bệnh đảm bảo theo quy định.

- Định kỳ tổ chức vệ sinh, tiêu độc tại các khu vực chăn nuôi, các chợ, điểm buôn bán và giết mổ lợn bằng hóa chất, thuốc sát trùng tiêu chuẩn dùng trong thú y; thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc sau mỗi buổi họp chợ, mỗi ca giết mổ lợn; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc đối với người, phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi theo đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi, vệ sinh phòng dịch.

- Thực hiện các đợt tiêu độc khử trùng môi trường do Bộ Nông nghiệp và PTNT phát động.

b) Khi xảy ra dịch

- Tại ổ dịch (xã, phường có dịch) và vùng bị dịch uy hiếp (các xã, phường tiếp giáp với ổ dịch): Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2 tuần đầu tiếp theo.

- Vùng đệm (các xã, phường tiếp giáp với vùng bị dịch uy hiếp): Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc với tần suất 01 lần/tuần liên tục cho đến khi kết thúc ổ dịch.

8. Xây dựng vùng, chuỗi cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh

- Các doanh nghiệp chăn nuôi có tiềm năng xây dựng các chuỗi sản xuất sản phẩm chăn nuôi lợn đạt tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh nhằm đáp ứng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở chế biến, chăn nuôi xây dựng phát triển vùng an toàn dịch bệnh.

- Quản lý, duy trì vùng, cơ sở chăn nuôi, chế biến an toàn dịch bệnh là trách nhiệm của địa phương và cơ quan chuyên môn thú y.

9. Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm

Đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ thuật chẩn đoán, lấy mẫu cho cán bộ kỹ thuật được Cục Thú y tổ chức.

10. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi

- Triển khai công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh, nguy cơ tái phát dịch bệnh, chăn nuôi an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh trên diện rộng đến từng đối tượng cụ thể (vận chuyển, buôn bán lợn, người chăn nuôi, cán bộ làm công tác thú y).

- Tổ chức công tác truyền thông về nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng, an toàn dịch bệnh, tác hại đối với nền kinh tế, ngành chăn nuôi,... do hoạt động buôn bán, vận chuyển lợn, sản phẩm lợn gây ra.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở, tổ chức các buổi tọa đàm hoặc viết thông điệp ngắn; xây dựng, in ấn tờ rơi phát cho người chăn nuôi, dán nơi công cộng (chợ, nhà văn hóa xã, ...).

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn về giám sát, xử lý ổ dịch cho cán bộ thú y cơ sở.

III. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1. Ngân sách tỉnh:

a) Đảm bảo kinh phí đối với các hoạt động, bao gồm: Mua sắm dụng cụ, trang bị bảo hộ dùng trong phòng chống dịch bệnh, dự phòng kinh phí mua vaccin phòng chống các bệnh nguy hiểm; kế phát trên lợn hoặc khi có khuyến cáo sử dụng loại vaccin phòng, chống DTLCP từ trung ương; chủ động giám sát lưu hành vi rút DTLCP, điều tra ổ dịch, lấy mẫu, xét nghiệm mẫu; các hoạt động chống dịch, bảo hộ cá nhân, tổng vệ sinh khử trùng, tiêu độc, đào tạo tập huấn chuyên môn, mua hóa chất dự phòng chống dịch.

b) Kinh phí hoạt động các chốt kiểm dịch tạm thời do UBND tỉnh thành lập, hoặc giao cho UBND cấp huyện thành lập khi các tỉnh giáp ranh có bệnh DTLCP nhưng trên địa bàn tỉnh chưa có dịch, hoặc có dịch nhưng chưa đủ điều kiện công bố dịch do UBND tỉnh quyết định.

2. Ngân sách huyện, bao gồm: Kiểm tra công tác phòng chống dịch, phòng chống buôn lậu lợn, sản phẩm của lợn; giám sát, tập huấn (*cấp huyện*), thông tin tuyên truyền; chi phí cho các hoạt động phòng chống dịch; mua sắm dụng cụ, bảo hộ lao động; triển khai tiêu độc khử trùng, xử lý lợn và sản phẩm của lợn bệnh và xử lý môi trường.

3. Kinh phí hỗ trợ người chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do bệnh DTLCP thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Kinh phí do người dân tự bảo đảm

- Tổ chức, cá nhân chăn nuôi lợn phải đảm bảo chi trả cho tiêm phòng vắc xin các bệnh nguy hiểm, kể phát cho đàn lợn; lấy mẫu, xét nghiệm mẫu khi thực hiện kiểm dịch vận chuyển hoặc khi có nhu cầu giết mổ tiêu thụ; phí, lệ phí kiểm dịch vận chuyển lợn, sản phẩm lợn ngoại tỉnh; vôi bột, hóa chất khử trùng.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh, vận chuyển lợn, sản phẩm của lợn bị bệnh, nghi bị bệnh chi trả kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm và tiêu hủy (nếu bị bệnh).

5. Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện ngân sách tỉnh: **942.000.000** đồng, gồm:

a) Kinh phí dự phòng: **78.000.000** đồng (*dự trừ bằng tiền*), gồm:

- Kinh phí kiểm tra, giám sát dịch bệnh: 37.000.000 đồng.

- Kinh phí xét nghiệm chẩn đoán bệnh: 41.000.000 đồng (*dự kiến lấy 40 mẫu*).

b) Kinh phí cấp thường xuyên: **864.000.000** đồng, gồm:

- Kinh phí mua hóa chất sát trùng Hanlusep BGF (5.000 lít): 825.000.000 đồng.

- Kinh phí giám sát lưu hành vi rút (giám sát chủ động): 30.000.000 triệu (40 mẫu/năm/02 đợt).

- Kinh phí thẩm định giá mua và tổ chức đấu thầu: 9.000.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ vào các nội dung của bản Kế hoạch này, UBND các huyện, thị xã, thành phố cần xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế để tổ chức, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP trong giai đoạn từ năm 2021-2025. Một số yêu cầu cụ thể đối với các cơ quan sau:

1. Ban Chỉ đạo phòng, chống bệnh DTLCP các cấp

Ban Chỉ đạo phòng, chống bệnh DTLCP là đầu mối điều phối; chỉ đạo các hoạt động ứng phó khẩn cấp trong toàn tỉnh theo bản Kế hoạch này. Căn cứ tình hình thực tế và diễn biến của dịch bệnh DTLCP tham mưu, đề xuất triển khai các biện pháp bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh DTLCP theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tổng hợp tình hình báo cáo cho UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chủ động làm việc với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan, để Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh ngân sách thực hiện Kế hoạch này.

4. Các sở, ngành có liên quan, theo chức năng nhiệm vụ chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các địa phương trong việc triển khai, thực hiện Kế hoạch này.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP trên địa bàn quản lý.

- Theo dõi việc khai báo tái đàn và kê khai các cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 và Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện công tác phòng, chống dịch, đặc biệt công tác giám sát, phát hiện và xử lý ổ dịch.

- Quản lý hoạt động của các cơ sở giết mổ động vật tập trung; hoạt động sơ chế, chế biến, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật và vệ sinh thú y trên địa bàn.

6. UBND cấp xã

- Tiếp nhận khai báo tái đàn và kê khai các cơ sở chăn nuôi theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Quản lý hoạt động cơ sở giết mổ nhỏ lẻ theo quy định pháp luật.

- Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch, đặc biệt công tác giám sát, phát hiện, báo cáo và xử lý ổ dịch theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống bệnh DTLCP năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT, trình UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời. /

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/cáo);
- Cục Thú y (b/cáo);
- Sở: NNPTNT, TC, KHĐT, YT; TTTT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Chi cục CN và Thú y;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT-UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HgA, HK.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Hồ

THUYẾT MINH DỰ TOÁN

Kinh phí phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi năm 2021

Stt	Nội dung	Thành tiền (đồng)
I	Kinh phí dự phòng	78.000.000
1	Công tác phí kiểm tra, giám sát dịch bệnh	37.000.000
2	Chi phí xét nghiệm chẩn đoán bệnh khi có dịch xảy ra	41.000.000
II	Kinh phí cấp thường xuyên	864.000.000
1	Kinh phí mua thuốc tiêu độc sát trùng Hanlusep BGF	825.000.000
2	Chi phí giám sát lưu hành vi rút (giám sát chủ động)	30.000.000
3	Chi phí thẩm định giá mua + tổ chức đấu thầu	9.000.000
Tổng cộng		942.000.000

Thuyết minh chi tiết

I. Kinh phí dự phòng**1. Công tác phí kiểm tra, giám sát: 37.000.000 đồng (làm tròn)**

- Công tác phí kiểm tra: 03 người/ngày x 09 ngày/tháng x 06 tháng x 150.000 đ/ngày/người = 24.300.000 đồng.

- Nhiên liệu ô tô công tác:

900 km /tháng x 6 tháng x 15 lít/100 km x 16.000 đ/lít = 12.960.000 đồng.

- Chi phí vận chuyển thuốc sát trùng, kết hợp với các nguồn vận chuyển khác.

2. Chi phí xét nghiệm chẩn đoán bệnh khi có dịch xảy ra: 41.000.000 đồng (làm tròn)

- Dự kiến lấy 40 mẫu x 522.000 đ/ mẫu = 20.880.000 đồng.

- Công tác phí lấy mẫu:

01 người/lần x 40 lần x 150.000 đ/người/lần = 6.000.000 đồng.

- Nhiên liệu ô tô đi lấy mẫu:

80 km/lần x 40 lần x 15 lít/100 km x 16.000 đ/lít = 7.680.000 đ

- Chi phí vật tư lấy mẫu và bảo hộ: 2.000.000 đồng (tạm tính)

- Chi phí gửi mẫu: 01 mẫu/lần x 40 lần x 150.000 đ/lần gửi = 4.400.000 đồng.

**Theo mức giá thanh toán xét nghiệm của Chi cục thú y vùng IV trong năm 2020.*

II. Kinh phí cấp thường xuyên**1. Kinh phí mua thuốc sát trùng: 825.000.000 đồng.**

Theo Thông báo giá của Công ty dược Hanvet ngày 12/8/2020.

Mua thuốc tiêu độc sát trùng Hanlusep BGF:

$5.000 \text{ lít} \times 165.000 \text{ đ/lít} = 825.000.000 \text{ đồng.}$

2. Chi phí giám sát lưu hành vi rút: 30.000.000 đồng (làm tròn)

- Chi phí xét nghiệm: $40 \text{ mẫu gộp} \times 522.000 \text{ đ/mẫu} = 20.880.000 \text{ đồng.}$

- Công tác phí lấy mẫu:

$02 \text{ người/lần} \times 4 \text{ mẫu/lần} \times 10 \text{ lần} \times 150.000 \text{ đ/người} = 3.000.000 \text{ đồng.}$

- Nhiên liệu xe máy cá nhân đi lấy mẫu:

$80 \text{ km/lần} \times 10 \text{ lần} \times 0,2 \text{ lít/1km} \times 16.000 \text{ đ/lít} = 3.200.000 \text{ đồng.}$

- Chi phí vật tư lấy mẫu và bảo hộ: 2.000.000 đồng (tạm tính).

- Chi phí gửi mẫu: $4 \text{ mẫu/lần} \times 10 \text{ lần} \times 150.000 \text{ đ/lần gửi} = 1.500.000 \text{ đồng.}$

3. Chi phí thẩm định giá mua và chi phí tổ chức đấu thầu: 9.000.000 đồng (làm tròn).

- Theo bảng giá tính tỷ lệ dịch vụ thẩm định giá: $0,502\% \times 110\% \times 825.000.000 \text{ đ} = 4.555.650 \text{ đồng.}$

- Lập Hồ sơ: $0,1\%$ giá trị hàng hóa mua sắm: 1.000.000 đồng (mức tối thiểu)

- Đánh giá hồ sơ: $0,1\%$ giá trị hàng hóa mua sắm: 1.000.000 đồng (mức tối thiểu)

- Thẩm định Hồ sơ: $0,05$ giá trị hàng hóa mua sắm: 1.000.000 đồng (mức tối thiểu)

- Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: giá trị hàng hóa mua sắm: 1.000.000 đồng (mức tối thiểu)/.
